



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DÂN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

hy

jy

ek

ons

dit

sy

wat

hulle

julle

hoekom

waar

wie

wanneer

watter

hoe

regtig

as

dan

nie

omdat

maar

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Wat kos dit?

Ek het dit nodig

hierdie

of

almal

daardie

Ek weet

weet
wetende, geweet

en

kom
komende, gekom

dink
denkende, gedink

Ek weet nie

vind
vindende, gevind

neem
nemende, geneem

sit
sittende, gesit

praat
pratende, gepraat

werk
werkende, gewerk

luister
luisterende, geluister

help
helpende, gehelp

van te hou
houende van, gehou van

gee
gewende, gegee

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

wag
waggende, gewag

bel
belende, gebel

liefhê
liefhebbende, liefgehad

Het jy my lief?

Ek hou nie hiervan nie

Ek hou van jou

een

nul

Ek het jou lief

vier

drie

twee

sewe

ses

vyf

tien

nege

agt

dertien

twaalf

elf

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

sestien

vyftien

veertien

negentien

agtien

sewentien

oud
ouer, oudste

nuut
nuwer, nuutste

twintig

hoeveel?

baie

min

korrek
korrekter, korrekste

verkeerd
verkeerder, verkeerdste

hoe baie?

gelukkig
gelukkiger, gelukkigste

goed
beter, beste

sleg
slegter, slegste

klein
kleiner, kleinste

lank
langer, langste

kort
korter, kortste

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

hier

daar

groot
groter, grootste

pragtig
pragtiger, pragtigste

links

regs

hallo

oud
ouer, oudste

jonk
jonger, jongste

pas jouself op

oukei

sien jou later

goeiedag

natuurlik

moenie bekommerd wees
nie

vaarwel

totsiens

haai

dankie

jammer

verskoon my

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

nou

ek wil dit hê

asseblief

nag
nagte

voormiddag
voormiddae

middag
middae

middag
middae

aand
aande

oggend
oggende

minuut
minute

uur
ure

middernag
middernagte

week
weke

dag
dae

seconde
sekondes

tyd
tye

jaar
jare

maand
maande

gister

eergister

datum
datums

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

oormôre

môre

vandag

Woensdag
Woensdae

Dinsdag
Dinsdae

Maandag
Maandae

Saterdag
Saterdag

Vrydag
Vrydae

Donderdag
Donderdae

lewe
lewens

Môre is Saterdag

Sondag
Sondae

liefde
liefdes

man
mans

vrou
vrouens

vriend
vriende

vriendin
vriendinne

kêrel
kêrels

kind
kinders

seks
seks

soen
soene

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đứng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

seuntjie
seuntjies

meisie
meisies

baba
babas

moeder
moeders

pa
pa's

ma
ma's

seun
seuns

ouers
ouers

vader
vaders

kleinboet
kleinboete

kleinsus
kleinsusse

dogter
dogters

staan
staande, gestaan

ouboet
ouboete

ousus
oususse

toemaak
toemakende, toegemaak

lê
lêende, gelê

sit
sittende, gesit

wen
wennende, gewen

verloor
verlorende, verloor

oopmaak
oopmakende, oopgemaak

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

aanskakel
aanskakelende, aangeskakel

leef
lewende, geleef

sterf
sterwende, gesterf

beseer
beseerende, beseer

dood te maak
doodmakende, dood gemaak

afskakel
afskakelende, afgeskakel

drink
drinkende, gedrink

kyk
kykende, gekyk

voel
voelende, gevoel

ontmoet
ontmoetende, ontmoet

loop
lopende, geloop

eet
etende, geëet

volg
volgende, gevolg

soen
soenende, gesoen

n weddenskap aangaan
weddende, gewed

vra
vraende, gevra

antwoord
antwoorde, geantwoord

trou
trouende, getrou

besigheid
besighede

maatskappy
maatskappye

vraag

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telefoon
telefone

geld
gelde

beroep
beroepe

hospitaal
hospitale

dokter
dokters

kantoor
kantore

president
presidente

polisieman
polisiemanne

verpleegster
verpleegsters

rooi
rooier, rooiste

swart
swarter, swartste

wit
witter, witste

geel
geler, geelste

groen
groener, groenste

blou
blouer, blouste

snaaks
snaakser, snaakste

vinnig
vinniger, vinnigste

stadig
stadiger, stadigste

moeilik
moeiliker, moeilikste

regverdig
regverdiger, regverdigste

onregverdig
onregverdiger, onregverdigste

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

ryk
ryker, rykste

Dit is moeilik

maklik
makliker, maklikste

swak
swakker, swakste

sterk
sterker, sterkste

arm
armer, armste

trots
trotser, trotste

moeg
moër, moegste

veilig
veiliger, veiligste

gesond
gesonder, gesondste

siek
sieker, siekste

versadig
versadiger, versadigste

hoog
hoër, hoogste

laag
laer, laagste

kwaad
kwater, kwaadste

altyd

elke

reguit
reguiter, reguitste

reeds

weer

eintlik

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

meer

meeste

minder

baie

geen

Ek wil meer hê

koei
koeie

vark
varke

dier
diere

skaap
skape

hond
honde

perd
perde

beer
bere

kat
katte

aap
ape

skoenlapper
skoenlappers

eend
eende

hoender
hoenders

spinnepkop
spinnepkoppe

vis
visse

by
bye

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

binne

buite

slang
slange

onder

naby

ver

voor

langsaan

bo

suur
suurder, suurste

soet
soeter, soetste

agter

hard
harder, hardste

sag
sagter, sagste

vreemd
vreemder, vreemdste

gek
gekker, gekste

onnosel
onnoseler, onnoselste

oulik
ouliker, oulikste

kort
kortter, kortste

lank
langer, langste

besig
besiger, besigste

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

koel
koeler, koelste

verras
meer verras, meeste verras

bekommerd
bekommerder, bekommerdste

slim
slimmer, slimste

boos
boser, booste

goed gedra
beter gedra, beste gedra

kop
koppe

warm
warmer, warmste

koud
kouer, koudste

mond
monde

hare
hare

neus
neuse

hand
hande

oog
oë

oor
ore

brein
breins

hart
harte

voet
voete

druk
drukkende, gedruk

stoot
stotende, gestoot

trek
trekkende, getrek

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

veg
vegtende, geveg

vang
vangende, gevang

slaan
slanende, geslaan

lees
lesende, gelees

hardloop
hardlopende, gehardloop

gooi
gooiende, gegooi

tel
tellende, getel

herstel
herstellende, geherstel

skryf
skrywende, geskryf

koop
kopende, gekoop

verkoop
verkopende, verkoop

sny
snyende, gesny

droom
dromende, gedroom

studeer
studerende, gestudeer

betaal
betalende, betaal

vier
vierende, gevier

speel
spelende, gespeel

slaap
slapende, geslaap

skoonmaak
skoonmakende, skoongemaak

geniet
genietende, geniet

rus
russende, gerus

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

deur
deure

huis
huise

skool
skole

troue
troues

eggenote
eggenotes

eggenoot
eggenote

tuis
tuistes

voertuig
voertuie

persoon
persone

een en twintig

syfer
syfers

stad
stede

dertig

ses en twintig

twee en twintig

sewe en dertig

drie en dertig

een en dertig

vier en veertig

een en veertig

veertig

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

een en vyftig

vyftig

agt en veertig

sestig

nege en vyftig

vyf en vyftig

ses en sestig

twee en sestig

een en sestig

drie en sewentig

een en sewentig

sewentig

een en tagtig

tagtig

sewe en sewentig

negentig

agt en tagtig

vier en tagtig

nege en negentig

vyf en negentig

een en negentig

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

tienduisend

eenduisend

honderd

my hond

een miljoen

honderdduisend

sy kar

haar rok

jou kat

jul span

ons huis

sy bal

saam

almal

hul maatskappy

gesondheid

maak nie saak nie

ander

welkom

ek stem saam

ontspan

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

draai links

draai regs

geen probleem

eier
eiers

kom saam met my

hou reguit aan

vis
visse

melk
melke

kaas
kase

vrug
vrugte

groente
groentes

vleis
vleise

brood
brode

olie
olies

been
bene

lekkergoed
lekkergoede

sjokolade
sjokolades

suiker
suikers

water
waters

drankie
drankies

koek
koeke

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

tee
teë

koffie
koffies

gaskoeldrank
gaskoeldranke

slaai
slaaie

wyn
wyne

bier
biere

ontbyt
ontbyte

nagereg
nageregte

sop
soppe

pizza
pizzas

aandete
aandetes

middagete
middagetes

spoorwegstasie
spoorwegstasies

trein
treine

bus
busse

skip
skepe

vliegtuig
vliegtuie

busstop
busstoppe

motorfiets
motorfietse

fiets
fietse

vragmotor
vragmotors

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

parkeerterrein
parkeerterreine

verkeerslig
verkeersligte

taxi
taxi's

skoel
skoene

kledingstuk
kledingstukke

pad
paaie

hemp
hemde

trui
truie

jas
jasse

broek
broeke

pak
pakke

baadjie
baadjies

sokkie
sokkies

T-hemp
T-hemde

rok
rokke

bril
brille

onderbroek
onderbroeke

bra
bras

beursie
beursies

beursie
beursies

handsak
handsakke

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

horlosie
horlosies

hoed
hoede

ring
ringe

My naam is David

Wat is jou naam?

sak
sakke

Is jy oukei?

Hoe gaan dit?

Ek is 22 jaar oud

lente
lentes

Ek mis jou

Waar is die toilet?

winter
winters

herfs
herfste

somer
somers

Maart
Maartemaande

Februarie
Februariemaande

Januarie
Januariemaande

Junie
Juniemaande

Mei
Meimaande

April
Aprilmaande

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

September
Septembermaande

Augustus
Augustusmaande

Julie
Juliemaande

Desember
Desembermaande

November
Novembermaande

Oktober
Oktobermaande

mark
markte

rekening
rekeninge

inkopie
inkopies

woonstel
woonstelle

gebou
geboue

supermark
supermarkte

kerk
kerke

plaas
plase

universiteit
universiteite

gimnasium
gimnasiums

kroeg
kroeë

restaurant
restaurante

kaart
kaarte

toilet
toilette

park
parke

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

geweer
gewere

polisie
polisie

ambulans
ambulanse

voorstad
voorstede

land
lande

brandbestryders
brandbestryders

medisyne
medisynes

gesondheid
gesondheid

dorp
dorpe

chirurgie
chirurgieë

pasiënt
pasiënte

ongeluk
ongelukke

verkoue
verkoues

koors
koorse

pil
pille

hoes
hoese

afspraak
afsprake

wond
wonde

skouer
skouers

boud
boude

nek
nekke

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

arm
arms

been
bene

knie
knieë

rug
rûe

boesem
boesems

buik
buike

lip
lippe

tong
tonge

tand
tande

maag
mae

toon
tone

vinger
vingers

senuwee
senuwees

lewer
lewers

long
longe

kleur
kleure

derm
derms

nier
niere

bruin
bruiner, bruinste

grys
gryser, grysste

oranje
oranjier, oranjeste

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

swaar
swaarder, swaarste

vervelig
verveliger, verveligste

pienk
pienker, pienkste

honger
hongerder, hongerste

eensaam
eensamer, eensaamste

lig
ligter, ligste

steil
steiler, steilste

hartseer
hartseerder, hartseerste

dors
dorser, dorste

vierkantig
vierkantiger, vierkantigste

rond
ronder, rondste

plat
platter, platste

diep
dieper, diepste

breed
breër, breedste

nou
nouer, nouste

noord

groot
groter, grootste

vlak
vlakker, vlakste

wes

suid

oos

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

vol
voller, volste

skoon
skoner, skoonste

vuil
vuiler, vuilste

goedkoop
goedkoper, goedkoopste

duur
duurder, duurste

leeg
leër, leegste

sexy
sexier, sexyste

lig
ligter, ligste

donker
donkerder, donkerste

vrygewig
vrygewiger, vrygewigste

dapper
dapperder, dapperste

lui
luier, luiste

simpel
simpelder, simpelste

lelik
leliker, lelikste

aantreklik
aantrekliker, aantreklikste

blind
blinder, blindste

skuldig
skuldiger, skuldigste

vriendelik
vriendeliker, vriendelikste

droog
droër, droogste

nat
natter, natste

dronk
dronker, dronkste

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

stil
stiller, stilste

hard
harder, hardste

warm
warmer, warmste

badkamer
badkamers

kombuis
kombuise

geluidloos
geluidloser, geluidlooste

tuin
tuine

slaapkamer
slaapkamers

sitkamer
sitkamers

kelder
kelders

muur
mure

motorhuis
motorhuise

dak
dakke

trappe
trappe

toilet
toilette

koppie
koppies

mes
messe

venster
vensters

koppie
koppies

bord
borde

glas
glase

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

TV-stel

TV-stelle

bak

bakke

vullisblik

vullisblikke

spieël

spieëls

bed

beddens

lessenaar

lessenare

prent

prente

bank

banke

stort

storte

stoel

stoele

tafel

tafels

horlosie

horlosies

buurman

buurmanne

klok

klokke

swembad

swembaddens

skiet

skietende, geskiet

kies

kiesende, gekies

misluk

mislukkende, misluk

verdedig

verdedigende, geverdedig

val

vallende, geval

stem

stemmende, gestem

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

brand

brandende, gebrand

steel

stelende, gesteel

aan te val

aanvallende, aangeval

vlieg

vlieënde, gevlieg

rook

rokende, gerook

red

reddende, gered

skop

skoppende, geskop

spoeg

spoegende, gespoeg

dra

draende, gedra

ruik

ruikende, geruik

asemhaling

asemhalende, asemgehaal

byt

bytende, gebyt

glimlag

glimlaggende, geglimlag

sing

singende, gesing

huil

huilende, gehuil

krimp

krimpende, gekrimp

groei

groeiende, gegroei

lag

laggende, gelag

deel

delende, gedeel

dreig

dreigende, gedreig

stry

stryende, gestry

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

waarsku
waarskuwende, gewaarsku

weg te steek
wegstekende, weggesteek

voed
voedende, gevoed

rol
rollende, gerol

spring
springende, gespring

swem
swemmende, geswem

kopieer
kopiërende, gekopiëer

grawe
grawende, gegrawe

lig
ligtende, gelig

oefen
oefenende, geoefen

soek
soekende, gesoek

aflewer
aflewerende, afgelewer

stort
stortende, gestort

verf
verwende, geverf

reis
reisende, gereis

was
wassende, gewas

sluit
sluitende, gesluit

oopmaak
oopmakende, oopgemaak

boek
boeke

gaarmaak
gaarmakende, gaargemaak

bid
biddende, gebid

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

nguyên cứu

eksamen
eksamens

huiswerk
huiswerke

biblioteek
biblioteke

geskiedenis
geskiedenis

wetenskap
wetenskappe

les
lesse

Frans
Frans

Engels
Engels

kuns
kunste

drie persent

potlood
potlode

pen
penne

derde
derdes

tweede
tweedtes

eerste
eerstes

vierkant
vierkante

resultaat
resultate

vierde
vierdes

navorsing
navorsings

area
areas

sirkel
sirkels

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

meester
meesters

bachelor
bachelors

graad
grade

stres
stres

x is groter as y

x is kleiner as y

departement
departemente

personeel
personele

versekering
versekerings

brief
briewe

adres
adresse

salaris
salarisse

vlieënier
vlieëniërs

speurder
speurders

kaptein
kapteins

prokureur
prokureurs

onderwyser
onderwysers

professor
professors

regter
regters

assistent
assistente

sekretaresse
sekretaresse

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

kok
kokke

bestuurder
bestuurders

directeur
directeure

krimineel
kriminele

busbestuurder
busbestuurders

taxibestuurder
taxibestuurders

telefoonnummer
telefoonnummers

kunstenaar
kunstenaars

model
modelle

gesels
geselsies

toep
toeps

sein
seine

e-pos adres
e-pos adresse

URL
URL's

lêer
lêers

selfoon
selfone

e-pos
e-posse

webwerf
webwerwe

bewyse
bewyse

tronk
tronke

wet
wette

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

hof
howe

getuie
getuies

boete
boetes

wins
winste

verlies
verliese

handtekening
handtekeninge

kredietkaart
kredietkaarte

bedrag
bedrae

kliënt
kliënte

swembad
swembaddens

kontant masjien
kontant masjiene

wagwoord
wagwoorde

radio
radios

kamera
kamas

krag
kragte

sak
sakke

bottel
bottels

geskenk
geskenke

engel
engele

pop
poppe

sleutel
sleutels

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

tandeborsel
tandeborsels

tandepasta
tandepastas

kam
kamme

sneesdoekie
sneesdoekies

room
rome

sjampoe
sjampoes

bioskoop
bioskope

TV
TV's

lipstiffie
lipstiffies

kaartjie
kaartjies

sitplek
sitplekke

nuus
nuus

verhoog
verhoë

musiek
musiek

skerm
skerms

grap
grappe

skildery
skilderye

gehoor
gehore

tydskrif
tydskrifte

koerant
koerante

artikel
artikels

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

as
asse

natuur
nature

advertensie
advertensies

maan
mane

diamant
diamante

vuur
vure

ster
sterre

son
sonne

Aarde
Aarde

kus
kuste

heelal
heelal

planeet
planete

woestyn
woestyne

woud
woude

meer
mere

rivier
riviere

rots
rotse

heuvel
heuwels

eiland
eilande

berg
berge

vallei
valleie

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

weer
weer

see
seë

oseaan
oseane

storm
storms

sneeu
sneeu

ys
ys

plant
plante

wind
winde

reën
reëns

roos
rose

gras
grasse

boom
bome

metaal
metale

gas
gasse

blom
blomme

Silwer is goedkoper as goud

silwer
silwer

goud
goud

lid
lede

vakansie
vakansies

Goud is duurder as silwer

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

gas
gaste

strand
strande

hotel
hotelle

Nuwe jaar

Kersfees
Kersfeeste

verjaarsdag
verjaarsdae

tannie
tannies

oom
ooms

Paasfees

ouma
oumas

oupa
oupas

ouma
oumas

graf
grafte

dood
dood

oupa
oupas

bruidegom
bruidegomme

bruid
bruide

egskeiding
egskeidings

honderd en tien

honderd en vyf

honderd en een

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

tweehonderd en twee

tweehonderd

honderd een en vyftig

tweehonderd twee en zestig

tweehonderd en twintig

tweehonderd en ses

driehonderd en sewe

driehonderd en drie

driehonderd

vierhonderd

driehonderd drie en sewentig

driehonderd en dertig

vierhonderd en veertig

vierhonderd en agt

vierhonderd en vier

vyfhonderd en vyf

vyfhonderd

vierhonderd vier en tagtig

vyfhonderd vyf en negentig

vyfhonderd en vyftig

vyfhonderd en nege

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

seshonderd en ses

seshonderd en een

seshonderd

sewehonderd

seshonderd en sestig

seshonderd en sestien

sewehonderd sewe en
twintig

sewehonderd en sewe

sewehonderd en twee

agthonderd en drie

agthonderd

sewehonderd en sewentig

agthonderd en tagtig

agthonderd agt en dertig

agthonderd en agt

negehonderd en nege

negehonderd en vier

negehonderd

tier
tiere

negehonderd en negentig

negehonderd nege en
veertig

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

haas
hase

rot
rotte

muis
muise

olifant
olifante

donkie
donkies

leeu
leeus

duif
duiwe

haan
hane

voël
voëls

gogga
goggas

insek
insekte

gans
ganse

mier
miere

vlieg
vlieë

musket
muskiete

dolfyn
dolfyne

haai
haaie

walvis
walvisse

dikwels

padda
paddas

slak
slakke

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

alhoewel

skielik

onmiddellik

hardloop

tennis

gimnastiek

ysskaats

gholf

fietsry

swem

basketbal

sokker

Verenigde Koninkryk

stap

onderwaterduik

Italië

Switserland

Spanje

Thailand

Duitsland

Frankryk

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japan

Rusland

Singapoer

Sjina

Indië

Israel

Kanada

Mexiko

Verenigde State van Amerika

Argentinië

Brasilië

Chili

Marokko

Nigerië

Suid-Afrika

Algerië

Kenia

Libië

Australië

Nieu-Seeland

Egipte

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

Asië

Europa

Afrika

'n halfuur

'n kwartier

Amerika

vyf oor twee

eenuur

'n driekwartier

twintig oor vyf

kwart oor vier

tien oor drie

agt vyf en dertig

half agt

vyf en twintig oor ses

tien voor twaalf

kwart voor elf

twintig voor tien

twee uur in die middag

eenuur in die oggend

vyf voor een

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

volgende week

hierdie week

verlede week

volgende jaar

hierdie jaar

verlede jaar

volgende maand

hierdie maand

verlede maand

twaaifde April negentien agt
en tagtig

vyf en twintigste Februarie
tweeduisend en drie

eerste Januarie tweeduisend
en veertien

twaaifde Desember
tweeduisend

dertigste September
negentien sewe

dertiende Oktober agtien
nege en negentig

ken
kenne

plooi
plooië

voorkop
voorkoppe

wimpers
wimpers

baard
baarde

wang
wange

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

nek
nekke

middellyph
middellyphwe

wenkbrout
wenkbroue

pinkie
pinkies

duim
duime

bors
borste

wysvinger
wysvingers

middelvinger
middelvingers

ringvinger
ringvingers

hakskeen
haskene

vingernael
vingernaels

pols
polse

been
bene

spier
spiere

ruggraat
ruggrate

werwel
werwels

rib
ribbes

geraamte
geraamtes

slagaar
slagare

aar
are

blaas
blase

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

penis
penisse

sperm
sperms

vagina
vaginas

pittig
pittiger, pittigste

sappig
sappiger, sappigste

testikel
testikels

gekook
gekookder, gekookste

rou
rouer, rouste

souterig
souteriger, souterigste

streng
strenger, strengste

gierig
gieriger, gierigste

skaam
skamer, skaamste

doof
dower, doofste